

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA KINH TẾ KHÓA 2024**

Lưu ý: SV kiểm tra thông tin , nếu có sai sót hoặc thắc mắc liên hệ trực tiếp phòng (D00.1) hoặc điện thoại số 028.22158640 gặp cô Phụng - đến trước 15h00, ngày 04/12/2025 (thứ 5)
Mọi thắc mắc, khiếu nại sau thời gian trên không giải quyết

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp SV	Điểm TBHT	Điểm RL	Xếp loại HB	Số Tiền	Ghi chú
1	24211KH1298	Thái Thái	Bình	CD24KH1	9.66	100	Xuất sắc	5,712,000	
2	24211KH2804	Phạm Hoàng Minh	Thư	CD24KH1	9.48	100	Xuất sắc	5,712,000	
3	24211KT0202	Trần Thị Huyền	Trang	CD24KT1	9.31	95	Xuất sắc	5,712,000	
4	24211KH0115	Nguyễn Thị Thùy	Trang	CD24KH1	9.16	100	Xuất sắc	5,712,000	
5	24211QT0012	Bùi Thị Thu	Dung	CD24QT1	9.16	100	Xuất sắc	5,712,000	
6	24211KT3780	Phan Nhã	My	CD24KT2	9.06	100	Xuất sắc	5,712,000	
7	24211KT3678	Mai Trang Mộng	Linh	CD24KT2	9.05	95	Xuất sắc	5,712,000	
8	24211QT0056	Phạm Thị Ngọc	Trâm	CD24QT1	9.04	93	Xuất sắc	5,712,000	
9	24211KT3802	Nguyễn Ngọc Lan	Phượng	CD24KT2	8.92	100	Giỏi	5,236,000	
10	24211QT3408	Lê Thị Bảo	Xuyên	CD24QT2	8.92	100	Giỏi	5,236,000	
11	24211LG1914	Trần Thị Thu	Thủy	CD24LG1	8.92	87	Giỏi	5,236,000	
12	24211MK3589	Võ Thị Thanh	Nguyễn	CD24MK3	8.87	94	Giỏi	5,236,000	
13	24211KT4493	Tạ Nguyễn Anh	Thư	CD24KT2	8.84	93	Giỏi	5,236,000	
14	24211MK1768	Huỳnh Thị	Hoa	CD24MK1	8.81	100	Giỏi	5,236,000	
15	24211KT3458	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CD24KT2	8.81	95	Giỏi	5,236,000	
16	24211QT4263	Nguyễn Thị Thương	Hoài	CD24QT2	8.81	86	Giỏi	5,236,000	
17	24211LG3358	Phạm Thị Ngọc	Ánh	CD24LG3	8.79	100	Giỏi	5,236,000	
18	24211KD0191	Đặng Hoài	Thư	CD24KD1	8.79	100	Giỏi	5,236,000	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp SV	Điểm TBHT	Điểm RL	Xếp loại HB	Số Tiền	Ghi chú
19	24211QT3783	Nguyễn Thị	Như	CD24QT2	8.78	99	Giỏi	5,236,000	
20	24211MK3881	Nguyễn Thị Khánh	Linh	CD24MK3	8.77	100	Giỏi	5,236,000	
21	24211KD3474	Hồ Thị Thanh	Tuyền	CD24KD1	8.76	91	Giỏi	5,236,000	
22	24211KT3342	Phạm Kim	Chi	CD24KT2	8.74	100	Giỏi	5,236,000	
23	24211KD2045	Nguyễn Thị Kim	Chi	CD24KD1	8.73	100	Giỏi	5,236,000	
24	24211KD3991	Huỳnh Xuân	Mai	CD24KD1	8.69	85	Giỏi	5,236,000	
25	24211LG4236	Huỳnh Gia	Huy	CD24LG4	8.68	94	Giỏi	5,236,000	
26	24211MK3752	Trần Nguyễn Kiều	Ngân	CD24MK3	8.66	100	Giỏi	5,236,000	
27	24211KT3496	Nguyễn Thị	Minh	CD24KT2	8.65	100	Giỏi	5,236,000	
28	24211MK4071	Nguyễn Hữu Minh	Hạnh	CD24MK4	8.64	100	Giỏi	5,236,000	
29	24211MK3633	Đặng Hoài	Nghĩa	CD24MK4	8.63	100	Giỏi	5,236,000	
30	24211KT2424	Hoàng Thị Tú	Uyên	CD24KT1	8.62	99	Giỏi	5,236,000	
31	24211MK2855	Nguyễn Đan Thùy	Duyên	CD24MK2	8.6	100	Giỏi	5,236,000	
32	24211LG3581	Trần Quốc	Vinh	CD24LG3	8.59	91	Giỏi	5,236,000	
33	24211KT1490	Bùi Long	Hổ	CD24KT2	8.56	92	Giỏi	5,236,000	
34	24211KD1091	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CD24KD1	8.54	100	Giỏi	5,236,000	
35	24211MK3361	Hà Thị Anh	Thư	CD24MK3	8.54	95	Giỏi	5,236,000	
36	24211LG1211	Hoàng Duy	Triều	CD24LG2	8.52	100	Giỏi	5,236,000	
37	24211MK2551	Hồ Thị	Dung	CD24MK3	8.51	94	Giỏi	5,236,000	
38	24211LG3176	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	CD24LG2	8.49	100	Giỏi	5,236,000	
39	24211MK1757	Trần Nguyễn Ngọc	Thương	CD24MK4	8.49	100	Giỏi	5,236,000	
40	24211KH2197	Phạm Hoàng	Khuyên	CD24KH1	8.48	99	Giỏi	5,236,000	
41	24211KD4176	Vì Văn	Tư	CD24KD1	8.47	100	Giỏi	5,236,000	
42	24211LG0189	Hồ Lưu	Luyến	CD24LG4	8.45	83	Giỏi	5,236,000	
43	24211LG3265	Huỳnh Thị Nhật	Quy	CD24LG2	8.41	100	Giỏi	5,236,000	
44	24211MK0895	Đỗ Hoàng Như	Ái	CD24MK1	8.41	100	Giỏi	5,236,000	
45	24211QT4350	Bùi Thị Phương	Anh	CD24QT1	8.39	94	Giỏi	5,236,000	
46	24211LG1811	Đỗ Ngọc Quỳnh	Giao	CD24LG1	8.38	82	Giỏi	5,236,000	
47	24211LG1451	Huỳnh Lý Anh	Thư	CD24LG1	8.37	95	Giỏi	5,236,000	
48	24211MK3641	Nguyễn Thị Hồng	Hạ	CD24MK3	8.36	100	Giỏi	5,236,000	
49	24211QT0303	Nguyễn Thị Thùy	Linh	CD24QT1	8.36	100	Giỏi	5,236,000	
50	24211TC3503	Trần Thị Thúy	Hằng	CD24TC1	8.36	95	Giỏi	5,236,000	

STT	MSSV	Họ	Tên	Mã Lớp SV	Điểm TBHT	Điểm RL	Xếp loại HB	Số Tiền	Ghi chú
51	24211LG1359	Trương Ngọc Thùy	Trang	CD24LG1	8.34	83	Giỏi	5,236,000	
52	24211LG3846	Trần Thị Mỹ	Thu	CD24LG2	8.33	83	Giỏi	5,236,000	
53	24211LG4074	Vũ Lê Thảo	My	CD24LG3	8.33	80	Giỏi	5,236,000	

Danh sách có 53 sv